

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XÍN MẦN  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 02/2017/HNGĐ-ST*

*Ngày 23/11/2017*

*V/v Không công nhận quan hệ vợ  
chồng, tranh chấp chia tài sản chung.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XÍN MẦN, TỈNH HÀ GIANG.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bình*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Nguyễn Đức Thành

2. Bà: Vương Thị Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Đình Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà Chu Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

Anh Lù Văn C, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang.

**2. Bị đơn:**

Chị Vàng Thị H, tên gọi khác Vàng Thị C, sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn C, xã C, huyện H, tỉnh Hà Giang.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Lù Già P, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang; Ủy quyền cho anh Lù Văn C, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang thay mặt bà Phìn tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang (Giấy ủy quyền ngày 10/6/2017).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2017, tại các bản trình bày có trong hồ sơ, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Lù Văn C và là người được bà Lù Già P ủy quyền trình bày:*

*Về hôn nhân:*

Tháng 12 năm 2005 anh Lù Văn C và chị Vàng Thị H đi đến hôn nhân là do gia đình hai bên ép buộc và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Sau khi tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương chị Vàng Thị H vẫn về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Năm 2006 chị H đã về giúp anh C làm việc nhà nhưng chưa chung sống như vợ chồng. Đến năm 2007 chị Vàng Thị H chính thức về chung sống như vợ chồng với anh Lù Văn C. Do không được tìm hiểu và yêu nhau nên trong cuộc sống vợ chồng chị Vàng Thị H và anh Lù Văn C thường nảy sinh mâu thuẫn. Năm 2013 em trai anh Lù Văn C có đi lấy vợ ở thôn C xã C huyện H tỉnh Hà Giang. Trong quá trình đi đón dâu chị Vàng Thị H có quen anh Chúng Văn C, hai bên bắt đầu có quan hệ riêng tư, từ đó vợ chồng anh C nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng. Đến tháng 2 năm 2017 chị Vàng Thị H bỏ đi chung sống với anh Chúng Văn C ở thôn C, xã C, huyện H, tỉnh Hà Giang. Anh Lù Văn C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Xín Mần giải quyết cho ly hôn với chị Vàng Thị H.

*Về con chung:*

Anh Lù Văn C và chị Vàng Thị H có 03 con chung là Lù Thị H, sinh ngày 29/11/2008; Lù Thị N, sinh ngày 19/6/2010; Lù Tiến L, sinh ngày 13/3/2015. Anh Lù Văn C nhận nuôi cháu Lù Thị H, sinh ngày 29/11/2008 và cháu Lù Thị N, sinh ngày 19/6/2010 đến khi trưởng thành. Không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Vàng Thị H nuôi cháu Lù Tiến L, sinh ngày 13/3/2015 đến khi trưởng thành.

*Về tài sản:* Anh Lù Văn C không yêu cầu giải quyết về tài sản.

*Về các khoản nợ:* Gia đình có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang 20.000.000 đồng. Ngày 26/10/2017 anh Lù Văn C đã trả xong khoản nợ này.

*Trong đơn yêu cầu chia tài sản ngày 30/5/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Vàng Thị H trình bày:*

*Về hôn nhân:*

Chị Vàng Thị H cho biết chị kết hôn với anh Lù Văn C kết hôn năm 2005 do gia đình hai bên sắp đặt, lúc ấy chị mới 15 tuổi chưa biết gì. Theo phong tục địa phương sau khi tổ chức cưới chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hai năm sau chị Hoàng mới chính thức về làm vợ anh C. Nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn gia đình một phần do anh Lù Văn C thường xuyên uống rượu, chửi bới và đánh đập chị H. Từ năm 2013 trở lại đây anh C chửi bới đánh đập chị H thường xuyên hơn. Chị H có về nhà bố mẹ đẻ nhưng bố mẹ đẻ không cho ở và đuổi chị H về nhà anh C. Tháng 02 năm 2017 anh C uống rượu đuổi chị H ra khỏi nhà. Chị H không có chỗ ở nên đã đến ở nhà anh Chúng Văn C tại thôn C, xã C,

huyện H, tỉnh Hà Giang. Chị Vàng Thị H đồng ý ly hôn với anh Lù Văn C.

*Về con chung:*

Chị Vàng Thị H đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lù Tiến L, sinh ngày 13/3/2015 đến khi trưởng thành không yêu cầu anh Lù Văn C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H yêu cầu được nuôi cháu Lù Thị H, sinh ngày 29/11/2008 với lý do cháu H không khỏe mạnh rất cần bàn tay chăm sóc của người mẹ.

*Về tài sản:*

*Tài sản riêng:* Chị Vàng Thị H không đề nghị giải quyết.

*Tài sản chung:* Chị Vàng Thị H đề nghị chia tài sản chung gồm 01 ngôi nhà nằm trên đất của ông Lù Sào L, là bố đẻ anh C; 01 con trâu; 01 con lợn 30 kg; 01 tủ bàn thờ mua với giá 4.200.000đ; 01 tủ tường mua với giá 2.500.000đ; 01 cái ti vi + 01 đầu đĩa + 01 đầu chảo mua với giá 3.000.000đ; 16 bao thóc, mỗi bao 40kg.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/6/2017 xác định số tài sản chung của gia đình gồm: 01 ngôi nhà trình tường 03 gian sàn gỗ mái lợp phi brôximăng; sàn phơi đồ nông sản trước cửa nhà; Bán mái trái nhà dùng để làm bếp; 01 tủ bàn thờ bằng gỗ có chiều dài 1,77mét, chiều rộng 0,48mét, chiều cao 1,2 mét; tủ Ti Vi bằng gỗ ép có chiều dài 2,06mét, chiều rộng 0,4mét, chiều cao 2,04mét; 01 tivi nhãn hiệu Nakata 21inch; 01 đầu chảo Trung Quốc VTC HD02; 01 đầu đĩa nhãn hiệu Belco; 01 con trâu; 01 con lợn; 04 bao thóc; 01 máy khâu nhãn hiệu butterfly.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 14/8/2017 xác định giá trị tài sản chung gia đình như sau: Khu nhà chính và các công trình phụ trị giá 136.396.000đồng gồm nhà chính, sàn gỗ, sàn để đồ nông sản, chuồng lợn, bán mái làm bếp. Các tài sản khác trong nhà trị giá 23.950.000đồng gồm 01 tủ thờ bằng gỗ, 01 tủ tivi bằng gỗ ép, 01 tivi nhãn hiệu Nakata 21inch, 01 đầu chảo Trung quốc VTC HD02, 01 đầu đĩa nhãn hiệu Belco, 01 con trâu.

Tại phiên hòa giải ngày 13/9/2017 chị Vàng Thị H đề nghị chia đôi số tài sản chung gia đình. Anh Lù Văn C không đồng ý chia tài sản chung gia đình với lý do là chị H tự ý bỏ nhà đi sống chung với người khác. Tại phiên hòa giải ngày 26/10/2017 chị Vàng Thị H không đề nghị chia đôi nữa mà đề nghị anh C chia cho một ít tài sản chung để có tiền nuôi con. Tại phiên tòa chị Vàng Thị H đề nghị anh Lù Văn C chia cho chị 01 con trâu theo Biên bản định giá ngày 14/8/2017 là 20 triệu đồng.

*Về các khoản nợ:* Khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang là 20.000.000 đồng. Anh Lù Văn C đã trả xong vào ngày 26/10/2017.

Tại phiên tòa cháu Lù Thị H, sinh ngày 29/11/2008 và cháu Lù Thị N, sinh ngày 19/6/2010 đều có nguyện vọng được sống cùng với bố vì bố yêu thương các cháu hơn mẹ, bố có điều kiện chăm sóc tốt hơn mẹ.

Tại Đơn đề nghị ngày 10/7/2017 và Đơn kiến nghị đề xuất ngày 20/10/2017 nguyên đơn anh Lù Văn C đề nghị anh Chúng Văn C ở thôn C xã C huyện H tỉnh Hà Giang phải đền bù cho anh C 36 triệu đồng một phần bồi thường tính vào phần sinh lễ khi kết hôn với chị H mà gia đình anh C đã bỏ ra và tiền bồi thường hạnh phúc ly tán gia đình cho anh C.

Về chi phí tố tụng: Tại phiên hòa giải ngày 13/9/2017 và tại phiên tòa chỉ Vàng Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000đồng, chi phí định giá tài sản là 2.000.000đồng, tổng chi phí tố tụng là 3.000.000đồng. Anh Lù Văn C đồng ý để chị Vàng Thị H chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì.

*Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Vàng Thị H và anh Lù Văn C là vợ chồng; Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung gia đình của chị Vàng Thị H. Bác yêu cầu của anh C buộc anh C ở thôn C xã C huyện H phải đền bù cho anh C 36 triệu đồng gồm tiền sinh lễ và tiền bồi thường hạnh phúc ly tán. Về án phí và chi phí tố tụng dân sự giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn anh Lù Văn C khởi kiện yêu cầu ly hôn. Bị đơn chị Vàng Thị H đồng ý nhưng có yêu cầu chia tài sản chung gia đình. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là vụ án “*Không công nhận vợ chồng, tranh chấp chia tài sản chung*”, Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền:* Vụ án này sau khi thụ lý Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang xác định bị đơn chị Vàng Thị H hiện đang cư trú tại thôn C, xã C, huyện H, tỉnh Hà Giang. Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật cư trú, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Hà Giang. Ngày 28/8/2017 Tòa án nhân dân huyện Xín Mần đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Giang để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 05/9/2017 Tòa án nhân dân huyện H chuyển trả hồ sơ vụ án với lý do tài

sản tranh chấp nằm tại huyện Xín Mần. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 39 và Biên bản thỏa thuận Tòa án giải quyết việc ly hôn ngày 07/9/2017 của anh Lù Văn C và chị Vàng Thị H, Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang tiếp tục giải quyết vụ án là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lù Văn C và chị Vàng Thị H kết hôn với nhau từ năm 2005, khi đó anh C 17 tuổi, chị Vàng Thị H 15 tuổi là vi phạm về độ tuổi kết hôn theo Điều 9 Luật hôn nhân năm 2000. Đến năm 2007 mới chính thức về chung sống với nhau như vợ chồng. Từ năm 2008 trở đi anh Chi, chị H đủ tuổi kết hôn theo Điều 9 Luật hôn nhân năm 2000. Trong suốt quá trình chung sống từ năm 2008 đến nay, anh C và chị H có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay có yêu cầu ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án nhân dân huyện Xín Mần thụ lý nhưng xác định việc chung sống giữa anh C và chị H là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng với nhau nên không công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung:* Anh Lù Văn C và chị Vàng Thị H có 03 con chung là Lù Thị H, sinh ngày 29/11/2008; Lù Thị N, sinh ngày 19/6/2010; Lù Tiến L, sinh ngày 13/3/2015. Theo nguyện vọng của anh C và nguyện vọng của cháu H và cháu N muốn được sống cùng anh C, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự để chấp nhận nguyện vọng của anh C, cháu H và cháu N. Cháu Lù Tiến L sinh ngày 13/3/2015 hiện chưa đủ 36 tháng tuổi theo sự thỏa thuận của hai bên và quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cho người mẹ là chị Vàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục. Chị Vàng Thị H có nguyện vọng được nuôi cháu Lù Thị H với lý do cháu H ốm yếu rất cần có sự chăm sóc của người mẹ. Xét trên thực tế chị H hiện đã đi lấy chồng khác, người chồng mới cũng đã có 03 đứa con riêng cùng sống chung một nhà với chị H nên điều kiện chăm sóc cháu H của chị Hoàng không thể tốt bằng anh C. Việc giao cháu H cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn hợp lý, đảm bảo sự phát triển cả về thể chất và tinh thần của cháu Lù Thị H.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung:* Tổng số tài sản chung của gia đình bà Lù Già P, anh Lù Văn C và chị Vàng Thị H đã được định giá vào ngày 14/8/2017 tổng trị giá 160.346.000đ. Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Vàng thị H đề nghị chia cho chị H 01 con trâu theo định giá tài sản ngày 14/8/2017 là 20 triệu đồng. Xét thấy yêu cầu này là chính đáng cần được xem xét chấp nhận.

[3.4] *Về các khoản nợ:* Gia đình có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Xín Mần là 20.000.000đồng. Ngày 26/10/2017 anh Lù Văn C đã trả xong. Chị Vàng Thị H và anh Lù Văn C không có đề nghị gì về khoản nợ này nên Tòa án không đề cập đến.

[3.5] *Về yêu cầu bồi thường:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa

anh Lù Văn C đề nghị anh Chúng Văn C ở thôn C xã C huyện H tỉnh Hà Giang phải đền bù cho anh C 36 triệu với lý do là bồi thường một phần tiền sính lễ và bồi thường hạnh phúc ly tán cho gia đình anh C. Đối với đề nghị làm hạnh phúc gia đình ly tán một phần do lỗi của anh Lù Văn C trên thực tế đã không đối xử tốt với vợ, ngoài ra còn có hành vi uống rượu say, chửi bới, đánh đập, đuổi vợ ra khỏi nhà. Chị Vàng Thị H không có chỗ nương tựa phải đi ở nhờ nhà anh Chúng Văn C. Việc chị Vàng Thị H bỏ nhà anh Lù Văn C đến ở nhà anh Chúng Văn C không có căn cứ anh C súi giục, mua chuộc nên đề nghị của anh C buộc anh C phải đền bù cho anh C 36 triệu là không chính đáng, không có cơ sở để chấp nhận. Còn đối với việc đòi lại sính lễ khi ly hôn theo khoản 7 phần II Danh mục các tập quán lạc hậu về Hôn nhân và gia đình cần vận động xóa bỏ hoặc cấm áp dụng Ban hành kèm theo Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính Phủ là hành vi bị cấm áp dụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí, chi phí tố tụng:*

[4.1] *Về án phí:* Anh Lù Văn C phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Lù Văn C và chị Vàng Thị H phải chịu án phí có giá ngạch theo khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4.2] *Về chi phí tố tụng:* Chị Vàng Thị H đã nộp đủ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000đồng, tiền chi phí định giá tài sản là 2.000.000đồng, tổng hai khoản chi phí tố tụng là 3.000.000đồng. Chị Vàng Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng và không có yêu cầu gì khác. Anh Lù Văn C đồng ý để chị Vàng Thị H chịu toàn bộ chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] *Về quyền kháng cáo đối với bản án:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 16, Điều 53, khoản 2, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 210, Điều 212, khoản 1 Điều 218, khoản 1 Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a, b khoản 5 Điều 27 điểm b tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí, lệ phí Tòa án) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lù Văn C và chị Vàng Thị H.

2. *Về con chung*: Giao cháu Lù Thị H, sinh ngày 29/11/2008 và cháu Lù Thị N, sinh ngày 19/6/2010 cho anh Lù Văn C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Lù Tiến L sinh ngày 13/3/2015 cho chị Vàng Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở.

### 3. *Về chia tài sản chung*:

Chia cho chị Vàng Thị H 01 con trâu trị giá 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

Chia cho anh Lù Văn C và bà Lù Già P: Khu nhà chính và các công trình phụ trị giá 136.396.000đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng), gồm nhà chính, sàn gỗ, sàn để đồ nông sản, chuồng lợn, bán mái làm bếp. Các tài sản khác trong nhà trị giá 3.950.000đồng (Ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), gồm 01 tủ thờ bằng gỗ, 01 tủ tivi bằng gỗ ép, 01 tivi nhãn hiệu Nakata 21inch, 01 đầu chảo Trung quốc VTC HD02, 01 đầu đĩa nhãn hiệu Belco. Tổng cộng số tài sản được chia là 140.346.000đồng (Một trăm bốn mươi triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

### 4. *Về yêu cầu bồi thường*:

Không chấp nhận yêu cầu của anh Lù Văn C buộc anh Chúng Văn C phải bồi thường tổn thất tinh thần cho anh C 36.000.000đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

### 5. *Về án phí*:

Anh Lù Văn C phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 03837 ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang. Anh Lù Văn C và Bà Lù Già P có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch là 7.017.000đồng (Bảy triệu không trăm mười bảy nghìn đồng).

Chị Vàng Thị H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 1.000.000đồng (Một triệu đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng), theo Biên lai số 03857 ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xín Mần có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Vàng Thị H số tiền chênh lệch là 1.000.000đồng (Một triệu đồng).

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường

hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- VKSND h. Xín Mần;
- Chi cục THADS huyện Xín Mần;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Quang Bình**